

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2021/DS-ST

Ngày: 10-3-2021.

“V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH TRÀ VINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Hoàng Nguyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Vương Hoàng Phúc.

2. Ông Ngô Thành Chiến.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Huê – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh:
Ông Trần Văn Thôn – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 59/2020/TLST-DS ngày 19 tháng 10 năm 2020 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 53/2021/QĐXXST-DS ngày 23 tháng 02 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Võ Thị Hồng D, sinh năm 1983. (Có mặt)

Địa chỉ: Ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

- Bị đơn: Ông Lê Văn M, sinh năm 1967. (Có mặt)

Địa chỉ: Ấp T, xã M, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 06 tháng 10 năm 2020, và lời trình bày của nguyên đơn là bà Võ Thị Hồng D trình bày:

Vào ngày 15/8/2019 bà D có cho ông Lê Văn M mượn số tiền 65.000.000 đồng và vàng bằng 05 chỉ vàng 24K, hẹn tháng 10/2019 trả đủ, không biết mục đích vay và vay không có lãi suất. Nhưng sau khi vay thì ông M không có trả vốn lại cho bà nên nay bà khởi kiện yêu cầu ông M có nghĩa vụ trả cho bà D số tiền nợ vay bằng 65.000.000 đồng và 05 chỉ vàng 24K (loại vàng nữ trang). Bà

không yêu cầu tính lãi.

- *Bị đơn ông Lê Văn M trình bày:* Ông thừa nhận là đã viết và ký biên nhận nợ ngày 15/8/2019 và giao cho bà Võ Thị Hồng D nhưng thực tế không có việc vay nợ này mà trước đây giữa ông M và bà D có quen biết qua lại chung sống với nhau. Sau đó, do giữa ông và bà D có mâu thuẫn với nhau thì đến ngày 15/8/2019 ông đang điều khiển xe thì bị bà D cùng con trai khống chế bắt ông viết và ký vào biên nhận nợ, thực chất là giữa ông và bà D không có mối quan hệ vay mượn tiền vàng, vì ông còn mua đất cho bà D đứng tên tại ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Trà Vinh và mua xe Honda cho bà D.

- *Tại phiên tòa sơ thẩm:*

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, không thay đổi, bổ sung hoặc rút yêu cầu khởi kiện.

Bị đơn vẫn giữ nguyên lời trình bày, không thay đổi, bổ sung lời khai.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh có quan điểm:*

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong thời gian chuẩn bị xét xử: thẩm quyền thụ lý vụ án; quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết; tư cách pháp lý; thời hạn xét xử; thủ tục tiến hành hòa giải; thu thập chứng cứ; cấp, tổng đạt văn bản tố tụng cho đương sự, Viện kiểm sát; thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu là đúng theo quy định tại khoản 3 Điều 26; Điều 35; Điều 39; Điều 68; Điều 97; Điều 177; Điều 196; Điều 203; Điều 205; Điều 208; Điều 209; Điều 210; Điều 211; Điều 220 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

+ Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa: đã tuân theo đúng các quy định tại Điều 239; Điều 243; Điều 247; Điều 249; Điều 250; Điều 251; Điều 252; Điều 260 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án, Vị kiểm sát viên đề xuất:

+ Áp dụng: khoản 3 Điều 26; Khoản 1 Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 157; Điều 165 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 463; Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

+ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Võ Thị Hồng D.

+ Buộc ông Lê Văn M phải trả cho bà D số nợ vay gốc bằng 65.000.000 đồng và 05 chỉ vàng 24k (loại vàng nữ trang). Ngoài ra, các đương sự phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Căn cứ vào khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án được xác định là tranh chấp hợp đồng vay. Về thẩm quyền giải quyết, căn cứ vào khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án cấp huyện, nên Tòa án nhân dân huyện Châu Thành thụ lý giải quyết là đúng. Về xác định tư cách đương sự, xác minh thu thập chứng cứ và thời hạn chuẩn bị xét xử đều thực hiện theo các quy định tại các Điều 68, Điều 97 và Điều 203 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Nội dung vụ án:

Nguyên đơn bà Võ Thị Hồng D yêu cầu bị đơn ông Lê Văn M trả tiền nợ vay tổng cộng bằng 65.000.000 đồng và 05 chỉ vàng 24K (loại vàng nữ trang), bà D không yêu cầu tính lãi. Chứng cứ chứng minh cho yêu cầu của mình, nguyên đơn có nộp tờ biên nhận nợ ngày 15 tháng 8 năm 2019 do ông Lê Văn M viết và ký tên.

Bị đơn ông Lê Văn M thừa nhận có viết và ký biên nhận nợ ngày 15 tháng 8 năm 2019, nhưng việc viết biên nhận là do nguyên đơn ép buộc ông viết chứ ông không có vay mượn cũng như không tình nguyện viết tờ biên nhận.

Xét thấy: Bị đơn trình bày việc viết biên nhận nợ ngày 15 tháng 8 năm 2019 là do nguyên đơn và bị đơn gặp nhau ngoài đường và nguyên đơn đã ép xe bị đơn vào đường cùng, bị đơn bị bệnh thoát vị đĩa đệm và gai cột sống, con nguyên đơn đã leo lên xe bị đơn, ép bị đơn đến quán nước để viết biên nhận, bị đơn không tự nguyện viết. Việc trình bày của bị đơn là lời nại ra, không có căn cứ chấp nhận vì tại phiên tòa bị đơn cũng trình bày là khi bị ép vào đường cùng, bị đơn đã kêu con nguyên đơn lên xe bị đơn để tạo lòng tin với nguyên đơn và chạy xe đến quán nước mía, thể hiện bị đơn tự nguyện đi đến quán nước mía, khi đó nguyên đơn không dùng vũ lực hoặc đe dọa dùng vũ lực đối với bị đơn, buộc bị đơn viết biên nhận mà bị đơn tự nguyện ngồi viết biên nhận, do đó tờ biên nhận nợ là chứng cứ không cần phải chứng minh. Từ những nhận định, phân tích trên cho thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ để chấp nhận.

[3] Về lãi suất: Nguyên đơn không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, quyết định.

[4] Quan điểm của vị kiểm sát viên về tố tụng và nội dung là phù hợp nên có cơ sở để chấp nhận.

[5] Từ các cơ sở nhận định và phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn ông Lê Văn M

phải trả cho bà Võ Thị Hồng D số tiền bằng 65.000.000 đồng và 05 chỉ vàng 24K (loại vàng nữ trang).

[6] Về án phí: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Võ Thị Hồng D thì ông Lê Văn M phải chịu toàn bộ án phí bằng 4.614.700 đồng, bao gồm tiền án phí 65.000.000 đồng và 05 chỉ vàng 24K loại vàng nữ trang giá trị 5.458.900 đồng/chỉ tại thời điểm ngày xét xử.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35; Điều 39; Điều 91 và Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 463 và Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Võ Thị Hồng D.

Tuyên xử: Buộc bị đơn ông Lê Văn M phải trả cho nguyên đơn bà Võ Thị Hồng D số tiền bằng 65.000.000 đồng và 05 chỉ vàng 24K (loại vàng nữ trang), không tính lãi do nguyên đơn bà Võ Thị Hồng D không yêu cầu.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án (tất cả các khoản tiền) theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Lê Văn M phải chịu án phí 4.614.700 đồng.

- Bà Võ Thị Hồng D không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho bà D tiền tạm ứng phí bằng 2.250.000 đồng theo biên lai thu số 0001370 ngày 09/10/2020, bà D nhận tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh.

Về quyền kháng cáo đối với bản án: Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án

dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKS ND H. Châu Thành;
- Cc. THA DS H. Châu Thành;
- Các đương sự;
- Lưu HS (VP).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Hoàng Nguyên